

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề,
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề
“Công nghệ Ô tô”**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề “Công nghệ Ô tô”;

Theo đề nghị của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề: “Công nghệ Ô tô”.

Trên cơ sở Bộ chương trình khung nói trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng cho trường mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề

trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng cho nghề “Công nghệ Ôtô” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 23/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Công nghệ Ôtô

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hóa Trung học phổ thông theo Quyết định Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành.

Số lượng môn học, mô-đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, Cơ kỹ thuật, Điện kỹ thuật, Vật liệu cơ khí, Dung sai lắp ghép và Đo lường, Điện tử cơ bản, Tin học, Tiếng Anh để hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề Sửa chữa ô tô.

+ Hiểu được cấu tạo, nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong, của ô tô và xe máy.

+ Có kiến thức về quy trình và phương pháp tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và

sửa chữa những hư hỏng thông thường của động cơ và ô tô.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được việc tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của động cơ và ô tô.

+ Kiểm định được chất lượng động cơ, hệ thống phanh và khí xả của ô tô.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh.

+ Có lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, biết thừa kế và phát huy

truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Khiêm tốn giản dị, lối sống trong sạch lành mạnh. Cần thận và trách nhiệm trong công việc.

+ Tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm.

- Thời gian học tập: 90 tuần.

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 h.

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 210h; trong đó thi tốt nghiệp: 90 h

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 h.

- Thời gian học các môn học, mô-đun đào tạo nghề: 2340 h

+ Thời gian học bắt buộc: 2000 h;
Thời gian học tự chọn: 340 h

+ Thời gian học lý thuyết: 720 h; Thời gian học thực hành: 1620 h.

3. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
I	Các môn học chung			210	210	
MH 01	Chính trị	2	III	30	30	
MH 02	Pháp luật	2	III	15	15	

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MH 03	Giáo dục thể chất	1	I	30	30	
MH 04	Giáo dục quốc phòng	1	I	45	45	
MH 05	Tin học	2	IV	30	30	
MH 06	Ngoại ngữ	1	I,II	60	60	
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học, mô-đun kỹ thuật cơ sở			390	270	120
MH 07	Điện kỹ thuật	1	II	45	45	
MH 08	Điện tử cơ bản	1	II	45	45	
MH 09	Cơ kỹ thuật	1	I	60	60	
MH 10	Vật liệu cơ khí	1	I	30	30	
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	II	30	30	
MH 12	Vẽ kỹ thuật	1	I	45	45	
MH 13	An toàn lao động	2	III	15	15	
MĐ 14	Thực hành nguội cơ bản	1	I	80		80
MĐ 15	Thực hành hàn cơ bản	1	I	40		40
II.2	Các môn học, mô-đun chuyên môn nghề			1610	330	1280
MĐ 16	Kỹ thuật chung về ô tô	1	I	70	30	40

09624296

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 17	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu trục khủy - thanh truyền	1	II	205	45	160
MĐ 18	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	1	II	95	15	80
MĐ 19	Sửa chữa - BD hệ thống bôi trơn và làm mát	2	III	95	15	80
MĐ 20	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2	III	150	30	120
MĐ 21	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	2	III	190	30	160
MĐ 22	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống khởi động và đánh lửa	2	III	150	30	120
MĐ 23	Sửa chữa - bảo dưỡng trang bị điện ôtô	2	IV	150	30	120
MĐ 24	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống truyền động	2	IV	245	45	200
MĐ 25	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống di chuyển	2	IV	95	15	80
MĐ 26	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống lái	2	IV	55	15	40
MĐ 27	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống phanh	2	IV	110	30	80
	Tổng cộng			2210	810	1400

3.2. Đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1A và 2A).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

- Tổng số giờ môn học, mô-đun tự chọn: 340 giờ (chiếm tỷ lệ 15% thời gian học tập).

- Số lượng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của từng cơ sở đào tạo nghề

mà lựa chọn, xây dựng cho phù hợp. Tuy nhiên, các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn nên chọn theo xu thế phát triển công nghệ mới thuộc lĩnh vực công nghệ ô tô nhưng không nên đặt ra yêu cầu quá cao đối với trình độ Trung cấp nghề. Không chọn các môn học, mô-đun đào tạo có nội dung kiến thức lạc hậu so với thời đại.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

4.2.1. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun (Kiến thức, kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 28	Thực hành mạch điện cơ bản	1	II	40		40
MĐ 29	Sửa chữa - bảo dưỡng mô-tô - xe máy	2	III	125	45	80
MĐ 30	Nâng cao hiệu quả công việc sửa chữa ô tô	2	IV	35	15	20
MĐ 31	Kiểm tra và sửa chữa PAN ô tô	2	III	70	30	40
MĐ 32	Kỹ thuật kiểm định ô tô	2	IV	70	30	40
	Tổng cộng:			340	120	220

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3A).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường

- Căn cứ vào chương trình khung và đề cương chi tiết của môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trên, đồng thời căn cứ vào cơ sở vật chất hiện có, các cơ sở đào tạo nghề triển khai xây dựng chương trình chi tiết các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc. Chương trình chi tiết là cơ sở để các trường viết giáo trình hoặc bài giảng.

- Khi xây dựng Chương trình chi tiết môn học, mô-đun phải thực hiện đúng nội dung, mục tiêu của Chương trình khung đã được ban hành và thực hiện đúng các nội dung quy định tại Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở đào tạo nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết các môn học, mô-đun tự chọn cho phù hợp. Các cơ sở đào tạo nghề triển khai xây dựng chương trình chi tiết các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

- Các cơ sở đào tạo nghề có thể tham khảo chương trình và thời gian đào tạo các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn tại Mục 4.2.1

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học:

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 8 giờ.

- Thời gian kiểm tra của các mô-đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành và được tính vào thời giờ thực hành.

4.5.2. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 60 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Hoặc mô-đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện học sinh.

4.7. Các chú ý khác

- Thời gian đào tạo của khóa học trình độ trung cấp nghề đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 3 năm. Chương trình đào tạo được

sử dụng chương trình khung nêu trên để giảng dạy đồng thời cộng thêm chương trình văn hóa trung học phổ thông theo chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Quyết định số 21/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 06/6/2001.

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô-đun tự chọn, cơ sở đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số mô-đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi

cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề.

- Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong CTKTĐTCN như sau:

+ Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng tuần và giờ học.

+ Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau:

* Một giờ học thực hành là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

* Một ngày học thực hành, thực tập

hoặc học theo mô-đun không quá 8 giờ học.

* Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

+ Mỗi năm học được chia làm hai học kỳ, học kỳ ngắn nhất là 19 tuần./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 23/2008/QĐ-BLĐTBXH

ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.

Số lượng môn học, mô-đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về Vẽ kỹ thuật, Cơ kỹ thuật, Điện kỹ thuật, Vật liệu cơ khí, Dung sai lắp ghép và Đo lường, Nhiệt kỹ thuật, Điện tử cơ bản, Vẽ AutoCAD, Công nghệ Khí nén - Thủy lực, Tin học, Tiếng Anh, Tổ chức và quản lý sản xuất để hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức thực chuyên môn nghề Sửa chữa ô tô và quản lý sản xuất.

+ Hiểu được cấu tạo, nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong của ô tô và xe máy.

+ Có kiến thức về quy trình và phương pháp tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và

sửa chữa những hư hỏng phức tạp của động cơ và ô tô.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo việc tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của động cơ và ô tô.

+ Kiểm định được chất lượng động cơ, hệ thống phanh và khí xả của ô tô.

+ Có đủ năng lực điều hành một phân xưởng lắp ráp hoặc sửa chữa ô tô.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng nghề cho bậc sơ cấp và trung cấp nghề.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

09624296

+ Có nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh.

+ Có lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, biết thừa kế và phát huy truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Khiêm tốn giản dị, lối sống trong sạch lành mạnh. Cần thận và trách nhiệm trong công việc.

+ Tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm.

- Thời gian học tập: 131 tuần.

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750h.

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 300h; trong đó thi tốt nghiệp: 90h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450h.

- Thời gian học các môn học, môđun đào tạo nghề: 3300h.

+ Thời gian học bắt buộc: 2640h; Thời gian học tự chọn: 660h.

+ Thời gian học lý thuyết: 1110h; Thời gian học thực hành: 2190h.

3. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
I	Các môn học chung			450	450	
MH 01	Chính trị	2	III	90	90	

09622996

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 02	Pháp luật	2	III	30	30	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	I	60	60	
MH 04	Giáo dục quốc phòng	1	I	75	75	
MH 05	Tin học	2	IV	75	75	
MH 06	Ngoại ngữ	1	I,II	120	120	
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học, mô-đun kỹ thuật cơ sở			540	420	120
MH 07	Điện kỹ thuật	1	II	45	45	
MH 08	Điện tử cơ bản	1	II	45	45	
MH 09	Cơ kỹ thuật	1	I	60	60	
MH 10	Vật liệu cơ khí	1	I	30	30	
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	II	30	30	
MH 12	Vẽ kỹ thuật	1	I	45	45	
MH 13	An toàn lao động	2	III	15	15	
MĐ 14	Thực hành nguội cơ bản	1	I	80		80
MĐ 15	Thực hành hàn cơ bản	1	I	40		40
MH 16	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	3	V	30	30	

LawSoft - Tel: 648 3645 6684 - www.ThuVienPhapLuat.com

0962429

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 17	Nhiệt kỹ thuật	3	V	45	45	
MH 18	Vẽ AutoCAD	3	V	45	45	
MH 19	Tổ chức quản lý sản xuất	3	V	30	30	
II.2	Các môn học, mô-đun chuyên môn nghề			2100	480	1620
MĐ 20	Kỹ thuật chung về ô tô	1	I	70	30	40
MĐ 21	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền	1	II	205	45	160
MĐ 22	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	1	II	95	15	80
MĐ 23	Sửa chữa - BD hệ thống bôi trơn và làm mát	2	III	95	15	80
MĐ 24	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2	III	150	30	120
MĐ 25	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	2	III	190	30	160
MĐ 26	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống khởi động và đánh lửa	2	III	150	30	120
MĐ 27	Sửa chữa - bảo dưỡng trang bị điện ô tô	2	IV	150	30	120
MĐ 28	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống truyền động	2	IV	245	45	200

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MĐ 29	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống di chuyển	2	IV	95	15	80
MĐ 30	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống lái	2	IV	55	15	40
MĐ 31	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống phanh	2	IV	110	30	80
MĐ 32	Chẩn đoán ô tô	3	VI	105	45	60
MĐ 33	Sửa chữa - BD hệ thống phun xăng điện tử	3	VI	165	45	120
MĐ 34	Sửa chữa - BD bơm cao áp điều khiển bằng điện tử	3	VI	110	30	80
MĐ 35	Công nghệ phục hồi chi tiết trong sửa chữa ô tô	3	VI	110	30	80
	Tổng cộng			3090	1350	1740

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09624296

3.2. Đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1B và 2B).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐCĐN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho

từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

- Tổng số giờ môn học, mô-đun tự chọn: 660 giờ (chiếm tỷ lệ 20% thời gian học).

- Số lượng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của từng cơ sở đào tạo nghề

mà lựa chọn, xây dựng cho phù hợp. Tuy nhiên các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn nên chọn theo xu thế phát triển công nghệ mới thuộc lĩnh vực công nghệ ô tô nhưng không nên đặt ra yêu cầu quá cao đối với trình độ Cao đẳng nghề. Tránh tình trạng chọn các môn học, mô-đun đào tạo có nội dung kiến thức lạc hậu so với thời đại.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

4.2.1. Danh mục môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô-đun (Kiến thức, kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 36	Thực hành mạch điện cơ bản	1	II	40		40
MĐ 37	Sửa chữa - bảo dưỡng mô tô - xe máy	2	III	125	45	80
MĐ 38	Nâng cao hiệu quả công việc sửa chữa ô tô	2	IV	35	15	20
MĐ 39	Kiểm tra và sửa chữa PAN ô tô	2	III	70	30	40
MĐ 40	Kỹ thuật kiểm định ô tô	2	IV	70	30	40
MĐ 41	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống điều khiển bằng khí nén	3	VI	110	30	80
MĐ 42	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	3	V	110	30	80
MĐ 43	Sửa chữa - bảo dưỡng hộp số tự động ô tô	3	VI	100	30	70
	Tổng cộng:			660	210	450

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3B).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường:

- Căn cứ vào chương trình khung và đề cương chi tiết của môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trên, đồng thời căn cứ vào cơ sở vật chất hiện có, các cơ sở đào tạo nghề triển khai xây dựng chương trình chi tiết các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc. Chương trình chi tiết là cơ sở để các trường viết giáo trình hoặc bài giảng.

- Khi xây dựng Chương trình chi tiết môn học, mô-đun phải thực hiện đúng nội dung, mục tiêu của Chương trình khung đã được ban hành và thực hiện đúng các nội dung quy định tại Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở đào tạo nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết các môn học, mô-đun tự chọn cho phù hợp. Các cơ sở đào tạo nghề triển khai xây dựng chương trình chi tiết các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

- Các cơ sở đào tạo nghề có thể tham khảo chương trình và thời gian đào tạo các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn tại Mục 4.2.1.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học:

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút.

+ Thực hành: không quá 8 giờ.

- Thời gian kiểm tra của các mô-đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành và được tính vào thời giờ thực hành.

4.5.2. Thi tốt nghiệp:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Hoặc mô-đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh.

4.7. Các chú ý khác

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề các cơ sở đào tạo cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô-đun bắt buộc có mã số MH 16, MH 17, MH 18, MH 19, MĐ 32, MĐ 33, MĐ 34,

MĐ 35 và một số môn học, mô-đun tự chọn mà trong chương trình trung cấp nghề chưa giảng dạy.

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô-đun tự chọn, cơ sở đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số mô-đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong CTKTĐCĐN như sau:

+ Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng tuần và giờ học.

+ Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau:

* Một giờ học thực hành là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

* Một ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô-đun không quá 8 giờ học.

* Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

+ Mỗi năm học được chia làm hai học kỳ, học kỳ ngắn nhất là 19 tuần./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc